

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TCN22B** Năm học: **23-24**
Mã MH/MĐ: **MH01099** Học kỳ: **02**
Tên MH/MĐ: **Kiến tập**
Số TC: **1**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2			Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2256201201478	Châu Chí	Bình	05/10/2007			9.5	7.5	8.5		8.0		8.1
2	2256201201480	Nguyễn Tấn	Đạt	18/07/1996			9.5	9.0	9.0		9.0		9.0
3	2256201201481	Trần Thành	Đạt	05/07/2005			9	7.0	7.5		7.3		7.4
4	2256201201483	Lương Anh	Kiệt	09/09/2007			9	7.0	7.5		7.3		7.4
5	2256201201484	Trần Trịnh Quốc	Kỳ	02/07/2007			9.5	7.0	7.5		7.3		7.5
6	2256201201485	Nguyễn Thành	Lợi	05/07/2001			9.5	8.0	8.0		8.0		8.1
7	2256201201486	Trần Yến	Nhi	20/09/2004			9.5	8.5	8.5		7.5		8.0
8	2256201201490	Lê Anh	Thư	31/01/2007			9.5	7.5	7.0		7.3		7.5
9	2256201201492	Trần Minh	Trí	12/04/2007			9	7.5	7.0		7.3		7.4
10	2256201201494	Lê Thị	Đông	20/08/1992			9	7.0	7.0		7.5		7.5
11	2256201201495	Võ Hải	Khoa	09/09/2007			9	7.0	7.0		7.0		7.2
12	2256201201496	Cao Chánh	Thông	21/08/2007			9	7.0	7.0		7.0		7.2
13	2256201201497	Nguyễn Chấn	Hưng	04/09/1998			M	M	M		M		M
14	2256201201498	Nguyễn Văn	Sang	22/05/2007			9	7.0	7.0		7.0		7.2

Châu Đốc, ngày 13 tháng 6 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng